TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2019/DS-ST
Ngày: 15 /11 /2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hằng.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy, ông Vũ Lê Tín.

Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai ghi biên bản phiên toà: bà Nguyễn Thị Hiền
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09 /2019 /TLST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140 /2019/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thh, sinh năm 1989
Địa chỉ: Xóm 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Chị Đậu Thị Th, sinh năm 1989,
Địa chỉ: Khối QT, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện,tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa.

+ Nguyên đơn-chị Phan Thị Thh trình bày:

Khoảng đầu năm 2015, chị Đậu Thị Th có nói với chị Thh là chưa xin được việc làm thì gửi tiền cho chị Th để chị Th đưa thẻ cào điện thoại(*viết tắt là thẻ cào*) cho mà bán kiếm lời, chị Thh nhất trí. Là bạn bè với nhau, hai bên chỉ hợp đồng miệng và gửi mỗi đợt tiền sẻ nhận tương ứng với số thẻ cào bằng số tiền. Khi đó chị Th có thỏa thuận miệng nếu giao thẻ cào chậm thì sẻ trả phạt 10% trên tổng số tiền hàng. Sau đó chị Thh đã chuyển tiền cho chị Đậu Thị Th nhiều đợt tổng cộng khoảng 800.000.000đ. Trong đó các lần trước đều thanh toán với nhau sòng phẳng, nhưng sau lần gửi tiền cuối cùng là từ tháng 7/2016 đến nay chị Đậu Thị Th không giao thẻ cào cho chị nữa. Đến ngày 09/12/2016 chị ra đòi trả lại tiền thì chị Th có viết giấy xác nhận, có nội dung:

Hôm nay ngày 09/12/2016 tại nhà bà Đậu Thị Th, Tôi xác nhận số tiền của chị Phan Thị Thh còn ở tôi tiền mặt là 115.000.000đ(Một trăm mười lăm triệu đồng chẵn) đây chính là số tiền mặt chị gửi tôi để lấy hàng thẻ cào.(Do tôi cũng đang bị Công ty lừa một số tiền rất lớn là 1.138.820.000đồng). Giờ tôi lại sắp sinh chưa thể

thanh toán nợ cho chị Thh được. Và tôi đã hứa là sinh con xong sau 5-6 tháng thì tôi sẽ hoàn trả cho chị ít nhất 1 tháng là 3.000.000đ(ba triệu đồng chẵn) cho đến khi hết.Người xác nhận: Đậu Thị Th.

Sau khi viết giấy đó, chị Th trả được cho chị Thh 13.000.000đ.(Coi như đang thiếu 102.000.000đ nữa).

Theo chị Thh: Việc mua bán thẻ cào là giữa chị với chị Đậu Thị Th, không liên quan đến Nguyễn Phi Long, anh Toán và người khác vì chị không quen biết họ. Chị Th nhiều lần gọi điện thúc giục chị gửi tiền để lấy thẻ cào nhưng chị Th không nói lấy hàng của Nguyễn Phi Long, vì sợ chị Thh biết mối làm ăn.

Tại phiên hòa giải cuối cùng và tại phiên tòa, chị Phan Thị Thh đề nghị: Nếu chị Th có thẻ cào giao cho chị thì chị vẫn nhận, vì nhận thẻ về bán có lợi hơn. Nếu không giao thẻ cào thì yêu cầu chị Đậu Thị Th bồi thường cho chị giá trị thẻ cào tương đương số tiền là 102.000.000đ (*Một trăm linh hai triệu đồng*) chị đã gửi mua thẻ cào mà chị Th đã nhận nhưng không giao thẻ cào cho chị. Chị Thh không yêu cầu tiền phạt do vi phạm hợp đồng mua bán tài sản, không yêu cầu tiền lãi.

+Bị đơn- chị Đậu Thị Th trình bày:

Khoảng tháng 4/2016, chị Th, chị Phan Thị Thh, anh Bùi Duy Toán và một số người khác nữa cùng góp tiền mua thẻ cào với số lượng lớn và được chiết khấu cao của ông Nguyễn Phi Long về để bán. Theo đó chị Thh và những người khác chuyển tiền vào tài khoản của chị Th, sau đó chị Th chuyển tất cả số tiền đó cho ông Nguyễn Phi Long (*cư trú tại tỉnh Thái Nguyên*) để mua thẻ cào.

Việc chuyển tiền và mua bán thẻ cào diễn ra thuận lợi khoảng hơn 13 lần thì đợt cuối chuyển số tiền của chị Thh, của chị Th và của những người khác, để đặt cọc và mua thẻ cào của Nguyễn Phi Long thì bị Long lừa đảo chiếm đoạt mất 1.130.820.000đồng.

Chị Th công nhận: Việc mua bán thẻ điện thoại giữa chị và chị Thh diễn ra bình thường. Chị Thh đã nhiều lần chuyển tiền cho chị để mua thẻ cào, tổng số tiền là khoảng 800.000.000đ, các lần trước chị đều giao đủ số lượng thẻ cào cho chị Thh. Đến tháng 7/2016 thì chị không giao thẻ điện thoại cho chị Thh nữa, vì chị bị Nguyễn Phi Long lừa đảo hết tiền như đã trình bày trên.

Theo chị Th: Sau khi chị bị Nguyễn Phi Long lừa đảo chiếm đoạt tiền thì chị Phan Thị Thh liên tục gọi điện đòi nợ và chửi thậm tệ. Chị Thh còn ra cửa hàng quần áo, nơi chị bán hàng thuê để gây sự, ép buộc chị phải viết giấy xác nhận nợ. Do lo sợ bị đuổi việc, nên chị buộc phải viết và ký giấy xác nhận, đề ngày 09/12/2016, mà chị Thh xuất trình cho Tòa án.

Tại phiên hòa giải cuối cùng, chị Đậu Thị Th trình bày do bị lừa đảo hết tiền nên không có thẻ cào giao cho chị Thh, chị nhất trí trả cho chị Thh số tiền gửi mua thẻ cào là 102.000.000đ (*Một trăm linh hai triệu đồng*) như yêu cầu của chị Thh. Nhưng khi nào Nguyễn Phi Long trả tiền cho chị thì chị sẻ trả tiền cho chị Thh.

*Tại phiên tòa, chị Th thay đổi toàn bộ kết quả hòa giải. Chị Th cho rằng tiền đó là chị Thh chung vốn mua thẻ cào, đã bị Nguyễn Phi Long lừa đảo. Nên mất mát đó là mất chung, chị Thh cũng phải chịu. Chị Th không đồng ý trả cho chị Thh 102.000.000đ nữa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Không có chứng cứ chị Thh chung vốn mua thẻ cào với chị Th. Chị Thh và chị Th giao kết mua bán tài sản(là thẻ cào điện thoại) không vi phạm pháp luật. Chị Thh chuyển tiền cho chị Th mà chị Th không giao thẻ cào là vi phạm nghĩa vụ. Nên yêu cầu khởi kiện của chị Thh là có căn cứ.

(*Toàn bộ nội dung phát biểu thể hiện bằng văn bản số 17/2019/PB-DS, ngày 15/11/2019, được lưu tại hồ sơ vụ án*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Áp dụng Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để giải quyết.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Dân sự "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Xác định quan hệ pháp luật:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Th cho rằng: Chị Th, anh Bùi Duy Toán và chị Thh cùng góp vốn mua thẻ cào điện thoại(viết tắt là thẻ cào) về bán. Chị là bị hại trong vụ án hình sự: Nguyễn Phi Long (sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Xuân Đồng, xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh-Tội lừa đảo chiếm đoạt TS).

Kết quả ủy thác thu thập chứng cứ, tài liệu do Tòa án thu thập được, thì thấy:

Bản án Hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, số 46/2018/ HS-ST ngày 21/9/2018, và Bản án Hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội số 134/2019/HS-PT, ngày 20/3/2019.

Hai bản án hình sự nói trên phản ánh: Chị Th và anh Toán tìm thông tin trên mạng xã hội qua Facebook cá nhân và sau đó thực hiện giao dịch mua thẻ cào với Nguyễn Phi Long. Bản án xác định chị Đậu Thị Th- anh Bùi Duy Toán chung tiền với nhau mua thẻ cào của Nguyễn Phi Long và bị Long lừa đảo; Đồng thời xác định chị Đậu Thị Th- anh Bùi Duy Toán là bị hại của vụ án. Hai bản án không xác định chị Th và anh Toán là người được chị Thh ủy quyền tham gia tố tụng vụ án hình sự nói trên; Không có tên người bị hại là chị Phan Thị Thh.

Anh Bùi Duy Toán khai tại hồ sơ cho rằng: chị Thh góp vốn mua thẻ cào như chị Th khai. Nhưng anh Toán và chị Th đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh chị Thh có hoạt động góp vốn mua thẻ cào. Mà có căn cứ chị Th tự mình tìm thông tin trên mạng xã hội và thỏa thuận giao dịch mua thẻ cào với Nguyễn Phi Long.

Các bên đã thừa nhận: Chị Th không công khai cho chị Thh danh tính người bán thẻ cào, không công khai thông tin giá thẻ cào mua vào, không công khai chi phí và yêu cầu chị Thh cùng thanh toán và chia lợi nhuận; không đưa chị Thh vào tham gia tố tụng vụ án hình sự; không khai trong tổng số tiền bị lừa đảo, có bao nhiêu là của chị Thh. Vì thế, xác định quan hệ pháp luật giữa chị Th với chị Thh là độc lập, không liên quan trong vụ án hình sự nêu trên, Nguyễn Phi Long không phải là người

thứ 3 trong vụ án dân sự này. Nên HĐXX chỉ xác định trách nhiệm dân sự đối với chị Đậu Thị Th theo quy định của pháp luật

Cho nên, không có căn cứ để xác định giữa chị Th và chị Thh có quan hệ hợp đồng góp vốn đi buôn bán thẻ cào điện thoại. Mà chị Thh là người mua thẻ cào của chị Th để về bán, như chị Thh khai là có căn cứ.

Chị Th và chị Thh mua bán tự phát, không thường xuyên, tranh thủ về thời gian, không đăng ký kinh doanh. Thẻ cào điện thoại là tài sản được tự do mua bán giao dịch trên thị trường. Quá trình giao dịch với nhau, chị Thh chuyển tiền trước cho chị Th, sau đó lấy thẻ cào của chị Th, là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật,có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 điều117 BLDS.

Chị Th là người có nghĩa vụ giao tài sản, mà không hoàn thành thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Chị Thh khởi kiện đòi tiền đối với chị Th do vi phạm hợp đồng mua bán tài sản là có căn cứ.

Chị Th cho rằng: Chị viết giấy xác nhận là không tự nguyện, do bị thúc ép. Nhưng chị công nhận toàn bộ nội dung, nên không ảnh hưởng đến việc việc giải quyết toàn bộ vụ án.

*Về nội dung: Các đương sự thừa nhận: Giấy xác nhận ngày 09/12/2016 là do chị Đậu Thị Th viết và ký. Trong đó xác nhận tiền chị Thh gửi chị Th lấy hàng thẻ cào là 115.000.000đ. Đồng thời ghi nhận chưa có trả cho chị Thh là do chị Th bị người khác lừa 1.138.820.000đ (chứng minh tại 2 bản án hình sự nêu trên); chị Th đang sắp sinh con, hẹn sau sinh con 5-6 tháng thì trả cho chị Thh, ít nhất 3.000.000đ/ tháng. Và đến ngày 29/12/2016 đến nay chị Th đã trả được cho chị Thh 13.000.000đồng.

Như vậy, số tiền chị Thh gửi cho chị Th để mua hàng (thẻ cào) thì chị Th đã chuyển đi để mua thẻ cào theo thỏa thuận. Từ tháng 7/2016 chị Th không giao thẻ cào cho chị Thh nữa, chính là hành vi đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng. Ngày 09/12/2016, các bên tính toán với nhau, viết giấy xác nhận nghĩa vụ chị Th giao thẻ cào cho chị Thh, mà chưa thực hiện và không thực hiện được nữa. Đó chính là sự thỏa thuận thanh lý hợp đồng với nhau.

Nay chị Thh đòi 102.000.000đ chính là yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng tiền tương đương giá trị thẻ cào mà chị Th không giao cho chị Thh theo hợp đồng.

Với những nội dung đã phân tích trên, xác định có hành vi giao kết Hợp đồng mua bán tài sản giữa chị Th và chị Thh, phù hợp với quy định tại Điều 430; Điều 431 BLDS 2015. Chị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản, gây thiệt hại của chị Thh là số tiền đã gửi chị Th mua thẻ cào 102.000.000đồng không được chị Th thanh toán giao thẻ cào (*như 2 bên đã ký giấy xác nhận nói trên*). Nên buộc chị Th phải bồi thường là đúng pháp luật.

Chị Thh bị thiệt hại do chị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng. Nhưng chị Thh chỉ yêu cầu bồi thường 102.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Đó là quyền tự định đoạt của bên có quyền, đúng pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 92; Điều 147 BLTTDS 2015. Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14.

Căn cứ: Điều 430; Điều 431; khoản 4 Điều 428; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phan Thị Thh.

Buộc chị Đậu Thị Th phải bồi thường thiệt hại cho chị Phan Thị Thh số tiền là: 102.000.000đ(*Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu đồng*) do vi phạm hợp đồng mua bán tài sản.

*Về án phí: Chị Đậu Thị Th phải chịu 5.100.000đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho chị Phan Thị Thh 3.136.000đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp phí theo biên lai thu tiền số 0004668 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015,trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:
-VKS tx HM;
- Chi cục THADS tx HM;
- Các đương sự;
-TAND tỉnh NA;
- Lưu HS.
(Chờ án phúc thẩm-công bố muộn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hằng